

**Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST**  
**Ngày 13 tháng 11 năm 2019**  
*V/v “Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thị và ông Phạm Mạnh Cường*

**- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 139/2019/TB-TA ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba cho được ly hôn với anh Trần Văn T ở khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Cụ thể theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H trình bày như sau:

- Chị và anh Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng nhà với bố mẹ anh T tại khu 4, xã Đ, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên cuộc sống

chung không được hòa thuận. Tháng 12/2018, anh T vi phạm pháp luật bị phạt 09 tháng tù, mới chấp hành xong tháng 9/2019. Kể từ khi anh T chấp hành án phạt tù cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định hôn nhân giữa chị với anh T không có hạnh phúc, tình cảm với anh T không còn vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

\* Bị đơn là anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện quan điểm như sau:

- Về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng có những bất đồng nhưng không quá nghiêm trọng. Cho đến tháng 11/2018, anh phạm tội “Đánh bạc” bị kết án 09 tháng tù và đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương ngày 21/9/2019. Khi được Tòa án hòa giải, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng đồng ý thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh phát hiện trong thời gian anh chấp hành án phạt tù, chị H ở nhà không chung thủy mà có quan hệ ngoại tình với người khác vì vậy nay anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác anh và chị H không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần do vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã có những mâu thuẫn bất đồng nhất định dẫn đến việc chị H có đơn yêu cầu ly hôn, vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng cả anh T và chị H đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nhưng lý do anh T không ly hôn là vì anh cho rằng chị H đã không chung thủy và ngoại tình. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Thực tế hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức

trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục chung sống thì hôn nhân sẽ không có hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Hồng là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung, vay công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn với anh **Trần Văn T**

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001737 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành dân sự;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Hồng Tuấn**